



bìng yīn

病因

noun · cause of disease; etiology

Example Sentences

Yī shēng zhèng zài chá zhǎo tā de bìng yīn

医生正在查找他的病因。

The doctor is looking for the cause of his illness.

Zhè zhǒng bìng de bìng yīn zhì jīn hái bù qīng chǔ

这种病的病因至今还不清楚。

The cause of this disease is still unclear.

Trace each character, then write the word on your own.

病	病	病	病	病	病	病	病	病	病	病
病	病									

因	因	因	因	因	因	因	因	因		
